TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PẮC
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 25/2021/HS-ST
Ngày: 09/9/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Võ Thanh Hà

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nông Thanh Tùy

2. Ông Phạm Xuân Mỹ

- Thư ký phiên toà: Bà Nông Thị Lường, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk *tham gia phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Quỳnh Hoa - chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 09/9/2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 27/2021/TLST-HS ngày 05/8/2021.Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2021/QĐXX-TA, ngày 11/8/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2021/QĐST-HS ngày 27/8/2021, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Mai Văn L, sinh năm: 1991. Nơi sinh: Tỉnh Đắk Lắk; Nơi cư trú: Thôn 6, xã B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Không nghề nghiệp; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Trình độ học vấn: 01/12. Con ông Mai Văn Q, sinh năm 1961 và con bà Trần Thị L, sinh năm 1971. Bị cáo có vợ là Nguyễn Thị Ánh Ph (đã ly hôn) có 01 con sinh năm 2013.Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Ngày 15/3/2011, bị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phạt 01 (Một) năm tù về tội "Trộm cắp tài sản", ngày 17/3/2012 bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù.

- Ngày 18/3/2013, bị Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 01 (Một) năm tù về tội "Trộm cắp tài sản", ngày 13/5/2014 bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù và các quyết định khác của bản án nên đã được xóa án tích.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Ea Kar (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Họ và tên: Trần Xuân Nh, sinh năm: 1980. Nơi sinh: Tỉnh Nghệ An.

Hộ khẩu thường trú: 693B Trần Cao Vân, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng.

Nơi cư trú: 134 Phạm Văn Đồng, tổ dân phố 5, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Không nghề nghiệp; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12. Con ông Trần Nh, sinh năm 1942 và con bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1953. Bị cáo có vợ là Nguyễn Thị L (đã ly hôn) có 01 con sinh năm 2008.

Tiền án: 01 tiền án. Ngày 07/8/2013, Trần Xuân Nh bị Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tuyên phạt 03 năm 06 tháng tù về tội trộm cắp tài sản.

Tiền sự: 01 tiền sự. Ngày 15/5/2019, Trần Xuân Nh bị Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk áp dụng Quyết định áp dụng biện pháp xử lý vi phạm hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc 18 tháng.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Ea Kar (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người bị hại: Ông Phạm Duy T, sinh năm:1974. Địa chỉ: Buôn R, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng trưa ngày 20/10/2020, Trần Xuân Nh điều khiển xe máy biển số 47K5-6499 chở theo Mai Văn L đi từ thành phố B, xuống thị trấn P, huyện K để chơi và gặp bạn tên V (chưa xác minh được nhân thân, lai lịch). Trên đường đi, Nh có nói với L để ý xem ai sơ hở tài sản thì trộm cắp, L đồng ý. Nh và L vào quán nước đối diện Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện K ở thị trấn P, huyện K gọi V ra ngồi chơi nói chuyện. Sau đó, L quan sát thấy ông Phạm Duy T (SN 1974, cư trú tại buôn R, xã E, huyện K) rút tiền ở cây ATM của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện K, rồi bỏ tiền vào ví để trong cốp xe máy biển số 47N6-7283. Thấy vậy, L nói với Nh ở lại uống nước với bạn còn L điều khiển xe máy biển số 47K5-6499 bám theo ông T. Ông T đi về nhà ở buôn R, xã E, huyện K và để xe ở sân. Khi ông T đi vào trong nhà thì L dùng tay kéo yên xe máy biển số 47N6-7283 lục lấy ví bên trong có 3.000.000 đồng và một số giấy tờ tùy thân. Sau đó, L điều kiển xe máy về quán nước Nh đang ngồi, hai người chở nhau về thành phố B. Trên đường đi, L nói với Nh là trộm cắp được 1.200.000đ, chia cho Nh 600.000đ. Nh cầm số tiền này tiêu dùng cá nhân.

Tại bản cáo trạng số 28/CT- VKS - HS ngày 03/8/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk đã truy tố bị cáo Mai Văn L và Trần Xuân Nh về tội: "Trộm cắp tài sản", quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, các bị cáo Mai Văn L, Trần Xuân Nh và người bị hại ông Phạm Duy T đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc tham gia phiên tòa đã phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) tuyên bố bị cáo Mai Văn L, Trần Xuân Nh phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Đề nghị xử phạt bị cáo Mai Văn L từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam. Bị cáo phải chịu tổng hợp hình phạt với hình phạt của Bản án số 22/2021/HSST ngày 22/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Đề nghị xử phạt bị cáo Trần Xuân Nh từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù. Bị cáo phải chịu tổng hợp hình phạt với hình phạt của Bản án số 22/2021/HSST ngày 22/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

+ Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị HĐXX:

Đề nghị chấp nhận việc Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Pắc trả lại 01 giấy phép lái xe số 660037834016, 01 chứng minh nhân dân số 240594789 cùng mang tên Phạm Duy T; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 47N6-7283, 01 bảo hiểm dân sự xe mô tô biển kiểm soát 47N6-7283 mang tên Nguyễn Thị Bích L cho ông Phạm Duy T.

Đối với xe máy biển số 47K5-6499, Mai Văn L dùng làm phương tiện để thực hiện hành vi phạm tội đã được xử lý tại Bản án số 22/2021/HSST ngày 22/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar nên không đề cập để xử lý.

Đối với số tiền 3.000.000 đồng, người bị hại Phạm Duy T không yêu cầu các bị cáo trả lại nên cần truy thu sung công quỹ Nhà nước.

Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra, bị hại ông Phạm Duy T không yêu cầu các bị cáo bồi thường nên không yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố các bị cáo và người bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định

của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai nhận tội của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập có lưu trong hồ sơ vụ án là hoàn toàn thực tế khách quan. Như vậy, đã có đủ cơ sở pháp lý để kết luận: Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 20/10/2020, tại sân nhà ông Phạm Duy T ở buôn R, xã E, huyện K bị cáo Mai Văn L và bị cáo Trần Xuân Nh đã trộm 01 chiếc ví bên trong có 3.000.000 đồng và các giấy tờ để trong cốp xe máy biển số 47N6-7283 của ông Phạm Duy T. Sau khi lấy được số tiền trên, bị cáo L chia cho bị cáo Nh 600.000 đồng còn bị cáo L giữ 2.400.000 đồng tiêu xài cá nhân. Hành vi của các bị cáo Mai Văn L, Trần Xuân Nh đã phạm tội "Trộm cắp tài sản". Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định:

"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm …"

Tuy rằng tính chất vụ án là ít nghiêm trọng nhưng hành vi phạm tội của các bị cáo đã trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu về tài sản của người bị hại và còn ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Các bị cáo phải nhận thức được rằng tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật quan tâm, bảo vệ, mọi hành vi xâm hại trái pháp luật đều bị trừng trị thích đáng. Xong xuất phát từ ý thức coi thường pháp luật và muốn có tiền tiêu xài cá nhân, các bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội.

Trong vụ án này có hai bị cáo cùng tham gia với vai trò khác nhau. Đối với bị cáo Trần Xuân Nh là người khởi xướng việc đi trộm cắp tài sản, là người điều khiển xe mô tô chở bị cáo L đi cùng để thực hiện hành vi phạm tội và được chia số tiền 600.000đ. Còn bị cáo Mai Văn L là người trực tiếp bám theo ông Phạm Duy T và thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người bị hại và giữ số tiền 2.400.000 đồng. Mặt khác bị cáo Trần Xuân Nh là người có tiền án chưa được xóa án tích nên thuộc trường hợp tái phạm. Do đó, hình phạt đối với các bị cáo là ngang nhau.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Trần Xuân Nh vào ngày 07/8/2013, bị Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tuyên phạt 03 năm 06 tháng tù về tội trộm cắp tài sản. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù nhưng chưa nộp tiền án phí. Do đó bị cáo phạm tội với tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là *"Tái phạm"* được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ Luật hình sự.

Sau khi phạm tội các bị cáo đã thành khẩn khai báo. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng những tình tiết giảm nhẹ nêu trên, để

giảm cho các bị cáo một phần hình phạt, nhằm thể hiện chính sách khoan hồng nhân đạo của pháp luật Nhà nước ta đối với người phạm tội.

[4] Xét về ý thức: Các bị cáo là người có khả năng nhận thức được hành vi của mình, các bị cáo nhận thức được rằng việc chiếm đoạt tài sản hợp pháp của người khác là hành vi vi phạm pháp luật. Song xuất phát từ ý thức coi thường pháp luật, bản chất chây lười lao động nhưng lại muốn chiếm đoạt tài sản thuộc quyền sở hữu của người khác để tiêu xài nên bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, truy tố và đưa ra xét xử bị cáo về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[5] Xét về nhân thân:

[5.1] Đối với bị cáo Trần Xuân Nh: Ngày 07/8/2013, bị Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tuyên phạt 03 năm 06 tháng tù về tội trộm cắp tài sản. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù nhưng chưa nộp tiền án phí. Bị cáo chưa được xóa án tích. Ngày 15/5/2019, Trần Xuân Nh bị Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk áp dụng Quyết định áp dụng biện pháp xử lý vi phạm hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc 18 tháng. Bị cáo là người đã có tiền án, tiền sự. Tuy nhiên bị cáo không coi đó là bài học để tự cải tạo thành người có ích cho xã hội mà tiếp tục phạm tội.

[5.2] Đối với bị cáo Mai Văn L là người có nhân thân xấu: Ngày 15/3/2011, bị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phạt 01 (Một) năm tù về tội "Trộm cắp tài sản", ngày 17/3/2012 bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù. Ngày 18/3/2013, bị Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 01 (Một) năm tù về tội "Trộm cắp tài sản", ngày 13/5/2014 bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù và các quyết định khác của bản án nên đã được xóa án tích.

Mặt khác vào ngày 11/11/2020, các bị cáo còn tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của bà Nguyễn Thị Ng và ông Trần Thanh D tại huyện E, tỉnh Đắk Lắk với số tiền: 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*). Ngày 22/6/2021, Tòa án nhân dân huyện Ea Kar đã xử phạt Mai Văn L 08 (Tám) năm 03 (Ba) tháng tù, xử phạt bị cáo Trần Xuân Nh 08 (Tám) năm tù về tội "Trộm cắp tài sản" tại bản án hình sự sơ thẩm số 22/2021/HSST ngày 22/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar.

Với hành vi nêu trên của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định, để trong quá trình giáo dục, cải tạo các bị cáo nhận thức được hành vi sai trái của mình, từ đó hoàn thiện lối sống để khi tái hòa nhập cộng đồng các bị cáo đều trở thành công dân sống có ích cho gia đình và xã hội.

Đối với số tiền 3.000.000đ của người bị hại ông Phạm Duy T, bị cáo Mai Văn L chiếm đoạt 2.400.000 đồng; bị cáo Trần Xuân Nh chiếm đoạt 600.000đ. Quá trình điều tra và xét xử người bị hại Phạm Duy T không yêu cầu các bị cáo trả lại nên cần truy thu từ các bị cáo sung công quỹ Nhà nước là phù hợp.

[6] Các biện pháp tư pháp:

- Đối với 01 giấy phép lái xe số 660037834016, 01 chứng minh nhân dân số 240594789 cùng mang tên Phạm Duy T; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 47N6-7283, 01 bảo hiểm dân sự xe mô tô biển kiểm soát 47N6-7283

mang tên Nguyễn Thị Bích L, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Pắc trả lại cho ông Phạm Duy T là phù hợp cần chấp nhận.

- Đối với xe máy biển số 47K5-6499, Mai Văn L dùng làm phương tiện để thực hiện hành vi phạm tội đã được xử lý tại Bản án số 22/2021/HSST ngày 22/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar nên không đề cập để xử lý.

- Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra, bị hại ông Phạm Duy T không yêu cầu các bị cáo bồi thường nên không yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

[7] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc đề nghị về tội danh, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, mức hình phạt và xử lý vật chứng của vụ án là có căn cứ nên chấp nhận toàn bộ quan điểm của đại diện Viện kiểm sát.

[8] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự, điểm đ khoản 1, Điều 12; Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016, buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ vào Điều 260, Điều 326 của BLTTHS.

Tuyên bố: Bị cáo Mai Văn L; Trần Xuân Nh phạm tội "Trộm cắp tài sản".

[2] Về điều luật và mức hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 55; khoản 1 Điều 56 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: **Bị cáo Mai Văn L:** 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù.

Tổng hợp hình phạt 08 (Tám) năm 03 (Ba) tháng tù của bản án số 22/2021/HS-ST ngày 22/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar. Buộc bị cáo Mai Văn L phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 09 (Chín) năm 09 (Chín) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 02/12/2020.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 điều 52; Điều 55; khoản 1 Điều 56 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: **Bị cáo Trần Xuân Nh:** 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù.

Tổng hợp hình phạt 08 (Tám) năm tù của bản án số 22/2021/HS-ST ngày 22/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar. Buộc bị cáo Trần Xuân Nh phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 09 (Chín) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 02/12/2020.

[3] Các biện pháp tư pháp:

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Chấp nhận việc Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Pắc trả lại 01 giấy phép lái xe số 660037834016, 01 chứng minh nhân dân số 240594789 cùng mang tên Phạm Duy T; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 47N6-7283, 01 bảo hiểm dân sự xe mô tô biển kiểm soát 47N6-7283 mang tên Nguyễn Thị Bích L cho ông Phạm Duy T.

Đối với xe máy biển số 47K5-6499, Mai Văn L dùng làm phương tiện để thực hiện hành vi phạm tội đã được xử lý tại Bản án số 22/2021/HSST ngày 22/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar nên không đề cập để xử lý.

Truy thu bị cáo Mai Văn L số tiền 2.400.000 đồng; truy thu bị cáo Trần Xuân Nh số tiền 600.000 đồng sung công quỹ Nhà nước.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại ông Phạm Duy T không yêu cầu các bị cáo bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Trần Xuân Nh, Mai Văn L mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo; Người bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Bản án gốc đã được các thành viên hội đồng xét xử nghị án thống nhất, biểu quyết, thông qua tại phòng nghị án và ký tên dưới đây.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đăk Lăk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Pắc;
- T.H.A.H.S C.A huyện Krông Pắc;
- CQ CSĐT C.A huyện Krông Pắc;
- Chi cục THADS huyện K;
- Đương sự;
- Bị cáo;
- Lưu Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Võ Thanh Hà